

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 262/2006/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển
kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình đến năm 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 5613/BKH-TĐ&GSĐT ngày 31
tháng 7 năm 2006 và Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình tại tờ trình số 15/TTr-UBND
ngày 10 tháng 4 năm 2006 về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái
Bình đến năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. Quan điểm phát triển

Tiếp tục phát huy tối đa nguồn nội lực, gắn mở rộng sản xuất hàng hóa của Thái Bình với thị trường trong nước, đồng thời tranh thủ mở rộng thị trường quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu, phát huy và sử dụng có hiệu quả mọi tiềm năng và nguồn lực cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, đưa Thái Bình trở thành Tỉnh có trình độ phát triển ở mức trung bình của Vùng đồng bằng sông Hồng.

Đẩy mạnh phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách thu hút nguồn lực từ bên ngoài, tăng tỷ trọng xuất khẩu các mặt hàng đã tinh chế; nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ.

Phát triển nhanh công nghiệp và dịch vụ, coi trọng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, gắn Thái Bình trong mối quan hệ tổng thể với các tỉnh trong Vùng đồng bằng sông Hồng và Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Xây dựng thành phố Thái Bình với các chức năng là Trung tâm chính trị kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật của Tỉnh và trở thành đô thị loại II trong giai đoạn 2010 - 2015. Đồng thời cải tạo, nâng cấp và phát triển hệ thống đô thị, các thị tứ trở thành các trung tâm kinh tế phát triển với chức năng là hạt nhân thúc đẩy và lan tỏa tới các vùng nông thôn trong Tỉnh.

Phát huy yếu tố con người, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có chính sách thu hút sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao, kể cả từ các địa phương khác và ngoài nước; có cơ chế khuyến khích phát triển giáo dục, đào tạo, nhất là đội ngũ công chức, công nhân và lao động kỹ thuật, đội ngũ chuyên gia về công nghệ và quản lý, đội ngũ doanh nhân.

Gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng xã hội, tạo việc làm, giảm nghèo và nâng cao mức sống vật chất tinh thần cho nhân dân. Quan tâm đầu tư thỏa đáng về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và phúc lợi xã hội đối với khu vực nông thôn, phấn đấu giảm hộ nghèo tới mức thấp nhất.

Phát triển kinh tế - xã hội phải kết hợp chặt chẽ với khai thác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên hợp lý và môi trường sinh thái.

Kết hợp phát triển kinh tế với giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vững mạnh trong các giai đoạn phát triển.

II. Mục tiêu phát triển

1. Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu đưa kinh tế Thái Bình phát triển nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, có mạng lưới kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, hệ thống đô thị tương đối phát triển, các lĩnh vực văn hóa - xã hội tiên tiến, đưa Thái Bình trở thành một trong những tỉnh có trình độ phát triển ở mức trung bình của Vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phát triển kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm giai đoạn 2006 - 2010 đạt 12,5%, giai đoạn 2011 - 2015 đạt 11,5% và giai đoạn 2016 - 2020 tăng khoảng 11,0%.
- Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, đến năm 2010 tỷ trọng các ngành nông, lâm, ngư nghiệp chiếm khoảng 30%; công nghiệp – xây dựng chiếm khoảng 37% và khu vực dịch vụ chiếm khoảng 33%. Đến năm 2015 có cơ cấu tương ứng là 21%; 45% và 34%; năm 2020, tỷ trọng nông nghiệp giảm xuống còn 14%; công nghiệp đạt khoảng 51% và dịch vụ khoảng 35%.
- Tăng kim ngạch xuất khẩu từ 98 triệu USD năm 2005 lên khoảng 200 - 240 triệu USD năm 2010; năm 2015 khoảng 400 triệu USD và năm 2020 khoảng 800 - 850 triệu USD.
- Tăng thu ngân sách nhằm bảo đảm các nhiệm vụ chi của Tỉnh và từng bước phấn đấu để có tích lũy. Phấn đấu tỷ lệ thu ngân sách đạt khoảng 15% GDP vào năm 2010; 17% năm 2015 và 19% năm 2020.
- Tăng nhanh đầu tư toàn xã hội, thu hút mạnh các nguồn vốn bên ngoài, thời kỳ 2006 - 2010 tổng vốn đầu tư toàn xã hội dự kiến đạt 35 - 36% GDP; 2011 - 2020 khoảng 40 - 41%.
- GDP bình quân đầu người đạt 14,3 triệu đồng năm 2010, 28 triệu đồng năm 2015 và 51,2 triệu đồng năm 2020.

b) Về phát triển xã hội

- Tỷ lệ tăng dân số chung đạt 0,55% thời kỳ 2006 - 2015; khoảng 0,65% thời kỳ 2016 - 2020. Nâng cao chất lượng nguồn lao động, giải quyết việc làm; giảm tỷ lệ thất nghiệp thành thị xuống 2,5% và tỷ lệ thời gian sử dụng lao động ở nông thôn khoảng 88 - 89% vào năm 2020. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 10% vào năm 2010, dưới 3% vào năm 2020.
- Đến năm 2020, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 40%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trong tổng số lao động khoảng 67%.
- Đến năm 2010, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40%, trong đó qua đào tạo nghề là 25%, đến năm 2020 tỷ lệ này là 60% và 42%; nâng cao chất lượng giáo dục, hoàn

thành phố cấp trung học phổ thông vào năm 2010.

- Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân và các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, phát thanh và truyền hình trên toàn Tỉnh.

c) Về tài nguyên và môi trường

Có chính sách quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, nhất là đất đai, nguồn nước, khoáng sản, rừng ngập mặn; phòng ngừa, xử lý có hiệu quả các hành vi gây ô nhiễm môi trường, quan tâm đầu tư cho công tác thu gom, tái chế và xử lý chất thải. Đến năm 2010 khoảng 85% dân số được sử dụng nước sạch; thu gom và xử lý 100% rác thải sinh hoạt; quản lý và xử lý 100% chất thải công nghiệp và chất thải y tế.

Tăng cường giáo dục, đào tạo nhằm nâng cao nhận thức về quản lý và bảo vệ môi trường.

III. Lựa chọn các lĩnh vực trọng điểm có tính đột phá đến năm 2020

1. Tiêu chuẩn lựa chọn các lĩnh vực trọng điểm

- Có tiền đề và lợi thế phát triển;
- Có vai trò to lớn đối với nền kinh tế trong lộ trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa: tạo ra đóng góp lớn về GDP, về ngân sách, về tích lũy và khả năng thu hút lao động;
- Phù hợp với định hướng bố trí chiến lược của vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước;
- Đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường, góp phần phát triển bền vững.

2. Các lĩnh vực trọng điểm dự kiến

a) Tăng cường công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư; xây dựng môi trường đầu tư thuận lợi, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia vào phát triển công nghiệp; thu hút mạnh mẽ các nguồn lực trong và ngoài nước phát triển nhanh và lấp đầy các khu công nghiệp như: Khu công nghiệp thành phố Thái Bình, Tiền Hải, Cầu Ngàn và các cụm công nghiệp ở các huyện; mở rộng làng nghề.

b) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ. Phát triển nhanh, mạnh các ngành du lịch, nhất là du lịch sinh thái, thương mại

nội địa, xuất khẩu, dịch vụ tài chính, ngân hàng, vận tải, bưu chính, viễn thông. Tích cực đẩy mạnh chương trình xuất khẩu lao động.

c) Chuyển đổi mạnh cơ cấu nông nghiệp theo hướng nông nghiệp hàng hóa, chất lượng, năng suất và hiệu quả cao, hình thành các vùng sản xuất nguyên liệu hàng hóa tập trung.

Khai thác triệt để tiềm năng đất đai và bố trí sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả cao. Chuyển một phần diện tích lúa năng suất thấp sang trồng cây công nghiệp, rau màu đặc sản.

Quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, vùng lúa đặc sản tập trung.

d) Xây dựng kết cấu hạ tầng và đẩy nhanh đô thị hóa là lĩnh vực quyết định, là nhiệm vụ xuyên suốt thời kỳ quy hoạch. Xây dựng thành phố Thái Bình trở thành Trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật của Tỉnh và đạt tiêu chuẩn đô thị loại II trong giai đoạn 2010 - 2015; xây dựng, mở rộng cảng biển Diêm Điền, cảng sông Tân Độ; nâng cấp một số tuyến đường quan trọng và xây dựng các cầu nối với tỉnh ngoài, xây dựng các công trình thủy lợi, cấp nước, cấp điện; xây dựng hạ tầng các khu du lịch, khu công nghiệp.

IV. Phương hướng phát triển các ngành và lĩnh vực

1. Phát triển nông, lâm, thủy sản

Dự kiến giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân 4,8%/năm giai đoạn 2006 - 2010, tăng 4,5%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và 3,3%/năm giai đoạn 2016 - 2020. Trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp, tỷ trọng của ngành trồng trọt giảm, tăng dần tỷ trọng các ngành chăn nuôi, thủy sản.

a) Nông nghiệp

Xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa đa dạng, phù hợp với hệ sinh thái, phát triển bền vững, áp dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất, bảo quản và chế biến để tạo ra các sản phẩm có chất lượng và giá trị cao; đặc biệt, chú ý lựa chọn và sản xuất bộ giống mới phù hợp cho năng suất, chất lượng cao. Tiếp tục chuyển dịch cơ